

Bản án số: 135/2025/DS-ST

Ngày 22/5/2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân.

2. Bà Huỳnh Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hùng Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Văn L, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Lê Văn T, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn L trình bày: Ông và ông T có quen biết với nhau. Vào ngày 19/6/2024, ông có cho ông Lê Văn T vay số tiền 750.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng, lãi trả hàng tháng vào ngày 19 dương lịch và hai bên có lập “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm” ngày 19/6/2024, số công chứng 5185, quyển số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông T không trả tiền lãi và tiền gốc cho ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền cho ông nhưng ông T cố tình trốn tránh, đến nay đã quá thời hạn trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

Do đó, nay ông yêu cầu ông T trả lại số tiền vay còn nợ là 750.000.000

đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 19/06/2024 đến ngày 19/3/2025 là 09 tháng, mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 112.050.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 862.050.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tiếp tục trả lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* Tại phiên tòa:

- Ông L trình bày: Ông yêu cầu ông T trả lại số tiền vay còn nợ là 750.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/06/2024 đến ngày 19/5/2025 là 11 tháng, mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 136.950.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 886.950.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L; Buộc ông T có nghĩa vụ trả lại ông L số tiền còn nợ là 886.950.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa ông L và ông T là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, ông L yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là: 750.000.000 đồng, theo “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm” ngày 19/6/2024, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, vào ngày 19/6/2024 ông L cho ông T vay số tiền 750.000.000 đồng, hai bên có làm “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm”, ông T có ký tên vào hợp đồng và được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 5185, quyển số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông T không trả khoản tiền lãi, tiền vốn nào cho ông L. Đến thời hạn trả tiền vốn, ông L đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T cố tình trốn tránh. Vì vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay trên.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ gì để phản đối lại yêu cầu khởi kiện của ông L nên Hội đồng xét xử, căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu của ông L là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T có nghĩa vụ trả lại ông L số tiền là 750.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Ông L yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả lại tiền lãi từ ngày 19/6/2024 đến ngày 19/5/2025 là 11 tháng, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 136.950.000 đồng. Xét thấy, “Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm” ngày 19/6/2024 là hợp đồng vay có lãi. Vì vậy, yêu cầu của ông L là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T có nghĩa vụ trả số tiền lãi là 136.950.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L.**

- Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả lại ông Võ Văn L số tiền vốn và tiền lãi là 886.950.000 (*T1 trăm tám mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí là 38.608.500 (*Ba mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám nghìn năm trăm*) đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông L được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng ông T thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- CC THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An